

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2018
V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con
sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh,

Ông Đồng Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn L, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 09 đường H, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đồng Thị O, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Văn L trình bày:

Anh Phạm Văn L và chị Đồng Thị O kết hôn với nhau năm 2005, quá trình chung sống sinh được một con chung là Phạm Tiến T sinh năm 2006, năm 2017 anh L và chị O ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 400/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017 của

Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, các bên thỏa thuận để chị O trực tiếp nuôi con chung. Nay do điều kiện nuôi con của chị O không đảm bảo nên anh L đề nghị được trực tiếp nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh và chị O tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự (BLTTDS); các điều 81 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử giao con Phạm Tiến T cho anh L trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị O phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đồng Thị O đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đồng Thị O.

[2] Về con chung: Hiện nay con chung Phạm Tiến T đang ở với anh L và có nguyện vọng được ở với anh L; anh L có công việc ổn định, không bị hạn chế quyền của cha đối với con; chị O không có nguyện vọng gì về việc nuôi con, trên thực tế không còn là người trực tiếp nuôi con. Vậy, nên giao con Phạm Tiến T cho anh L nuôi là bảo đảm được nguyện vọng và lợi ích toàn diện của con, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Phạm Văn L không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của anh L được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị O phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Việc anh L đồng ý nộp thay chị O toàn bộ án phí 300.000 đồng và khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên là tự nguyện, phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự và thuận lợi cho công tác thi hành án nên chấp nhận.

Như vậy, ý kiến của bà Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 97, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 81 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về nuôi con chung: Giao con Phạm Tiến T sinh ngày 23 tháng 01 năm 2006 cho anh Phạm Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm Văn L không yêu cầu nên không xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đồng Thị O phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Phạm Văn L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0008887 ngày 12 tháng 4 năm 2018. Chị Đồng Thị O đã nộp đủ án phí; không phải trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh Phạm Văn L.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

